

Số: ~~392~~/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày ~~26~~ tháng ~~02~~ năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định Số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của Cơ quan nhà nước; Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định Số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012, về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính; Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 hướng dẫn việc quản lý, khai thác phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước; Công văn số 1249/BTC-QLCS ngày 01/2/2012 của Bộ Tài chính về việc phương hướng nhiệm vụ củng cố hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 212/TTr-STC ngày 24/01/2014 về việc ban hành Quy chế phối hợp, kiểm tra, đối chiếu, chuẩn hóa, khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Giao cho Sở Tài chính triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và thành phố Huế; và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục QLCS - Bộ Tài chính;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, phó VP/UBND tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu

QUY CHẾ

Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 392 ngày 26/02/2014 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước với Sở Tài chính trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước (CSDL) vào các mục đích:

- Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong cơ sở dữ liệu.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phối hợp trong việc lập, xác lập Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước vào cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có



nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN; mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai;

- Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai;

- Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

Trường hợp các đơn vị đã lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính qua chuẩn hóa dữ liệu không có thay đổi thì không cần lập lại báo cáo nhưng phải gửi lại báo cáo.

2. Trường hợp có thay đổi về tài sản nhà nước do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sát nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai, bổ sung trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo Mẫu số 04-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, cụ thể:

+ Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện báo cáo theo Mẫu số 01-DM/TSNN;

+ Danh mục xe ô tô thực hiện báo cáo theo Mẫu số 02-DM/TSNN;

+ Danh mục tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và ô tô) đề nghị xử lý thực hiện báo cáo theo Mẫu số 03-DM/TSNN;

+ Thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng thực hiện báo cáo kê khai theo Mẫu số 04a-ĐK/TSNN;

+ Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện báo cáo kê khai theo Mẫu số 04b-ĐK/TSNN;

+ Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô thực hiện báo cáo kê khai theo Mẫu số 04c-ĐK/TSNN;

+ Thay đổi thông tin về tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thực hiện báo cáo kê khai theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN;

+ Xóa thông tin về tài sản trong cơ sở dữ liệu thực hiện báo cáo kê khai theo Mẫu số 04đ-ĐK/TSNN;

3. Báo cáo kê khai đăng ký tài sản nhà nước được lập thành 03 bộ, gửi 02 bộ đến Sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản), 01 bộ lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Cơ quan chủ quản (cấp huyện giao Phòng Kế hoạch - Tài chính) thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản nhà nước của Cơ quan, tổ chức, đơn vị; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính (Phòng Quản lý Giá Công sản, cán bộ quản trị tài sản) để nhập duyệt tài sản vào cơ sở dữ liệu, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản.

5. Sở Tài chính thực hiện việc đăng ký tài sản vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước theo quy định.

Điều 4. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước

1. Giao quyền khai thác thông tin (xem, in) tài sản nhà nước cho các cơ quan chủ quản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản kê khai trong phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước (sau khi được Bộ Tài chính thống nhất bằng văn bản).

2. Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, cập nhật số liệu tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai của các đơn vị.

3. Sau khi số liệu được cập nhật vào CSDL với hồ sơ báo cáo kê khai, cơ quan chủ quản được giao quyền khai thác có trách nhiệm:

- In và gửi "**Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước**" cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản do cơ quan chủ quản quản lý để rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào CSDL và thực hiện như sau:

+ Đối với tài sản nhà nước (không phải là đất) cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định số liệu chính xác gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày xác định tính chính xác trong "**Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước**";

+ Đối với đất gửi thông tin đến Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan xác nhận tính chính xác, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường.



4. Sở Tài chính (cán bộ Quản trị phần mềm tài sản) duyệt tài sản vào cơ sở dữ liệu theo phiếu thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước được xác nhận tính chính xác.

Trường hợp phiếu thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước được xác nhận tính chính xác không đúng số liệu hồ sơ báo cáo kê khai ban đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cán bộ quản trị phần mềm tài sản điều chỉnh và duyệt theo số liệu phiếu thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước được xác nhận tính chính xác.

Điều 5. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm cho hoạt động này phải trình kèm theo **“Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước”** của tài sản từ thời điểm hình thành đến thời điểm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

2. Sở Tài chính kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã đăng ký trong CSDL quốc gia về tài sản nhà nước. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa kê khai, đăng ký tài sản (*trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản*) theo quy định, Sở Tài chính đề nghị đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện kiểm tra hiện trạng sử dụng tài sản trực tiếp tại đơn vị.

3. Các đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá hiện trạng sử dụng tài sản (Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải, BQL dự án đầu tư xây dựng,...) sử dụng thông tin về tài sản nhà nước đã kê khai trong CSDL quốc gia về tài sản nhà nước để làm cơ sở đánh giá.

4. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị. Nếu số liệu trong CSDL quốc gia không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp **“Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước”**.

Điều 6. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán (*Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện,..*) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào CSDL.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa CSDL với giá trị duyệt quyết toán thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm gửi phiếu thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước được xác nhận tính chính xác đến Sở Tài chính để duyệt vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo **“Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý”** theo mẫu quy định, được in trực tiếp từ CSDL.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu số liệu với cơ sở dữ liệu **“Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý”** cho đơn vị trước khi trình cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong CSDL thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp thông tin lưu trữ trong CSDL khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 9. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các đơn vị trong Tỉnh;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập Báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. UBND cấp huyện, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo biến động của tài sản nhà nước theo đúng thời hạn quy định, chịu

trách nhiệm tính chính xác của số liệu, dữ liệu báo cáo và phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan trong việc báo cáo kê khai tài sản nhà nước của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai tài sản nhà nước theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

**CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10: Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt những nội dung của bản Quy chế này thì được khen thưởng. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà áp dụng các biện pháp, hình thức xử lý theo quy định của pháp luật;

Từ năm 2014, không xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước đối với những đơn vị có tài sản phải đăng ký nhưng không thực hiện kê khai vào Phần mềm.

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính;

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố Huế có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 245/2009/TT-BTC; Thông tư số 09/2012/TT-BTC; Thông tư số 123/2011/TT-BTC và những nội dung quy định tại Quy chế này;

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh về Sở Tài chính bằng văn bản đề trao đổi, giải quyết kịp thời; trường hợp vượt quá thẩm quyền, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Lưu